

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-ST

Ngày: 15 – 6 – 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tú Phương**

2. Ông **Nguyễn Văn Phúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hùng H**. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hùng H: Anh **Võ Tấn Đ**, sinh năm 1987. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P; Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Như B**, sinh năm 1992 và bà **Phan Thị Kim A**, sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Tấn Đ trình bày:*

Vào ngày 29/4/2020, anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A có ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1035219/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K, Phòng giao dịch Phước Long Bạc Liêu để vay số tiền 30.000.000đ với mục đích mua bán, lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay 180 ngày. Thỏa thuận trả gốc và lãi hàng ngày từ ngày 30/4/2020 đến ngày 27/10/2020, số tiền trả mỗi ngày 179.811 đồng, ngày cuối là 181.011 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, anh B và bà Kim A đã cầm cố cho Ngân hàng xe gắn máy Honda Vision biển số kiểm soát 94E1-339.54. Đồng thời ngày 29/4/2020, anh B và bà Kim A còn ký Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1035267/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch Phước Long để vay số tiền 10.000.000 đồng với mục đích mua bán, lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay 180 ngày, vay tín chấp. Thỏa thuận trả gốc và lãi hàng ngày từ ngày 30/4/2020 đến ngày 27/10/2020, số tiền trả mỗi ngày 59.934 đồng, ngày cuối là 60.934 đồng. Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho anh B và bà Kim A bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 29/4/2020. Từ ngày giải ngân đến ngày 08/8/2020, anh B và bà Kim A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.975.647 đồng (trong đó gốc 22.222.222 đồng và lãi 1.753.425 đồng). Do hai hợp đồng đã đến hạn thanh toán nhưng anh B và bà Kim A không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc và tạo điều kiện để anh B và bà Kim A trả nợ, tuy nhiên anh B và bà Kim A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng cho vay đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/6/2021 là 21.880.791 đồng (trong đó tiền gốc là 17.777.778 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.402.740 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.700.274 đồng). Đồng thời kể từ ngày 16/6/2021, anh B và bà Kim A phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP K rút yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là xe gắn máy Honda Vision biển số kiểm soát 94E1-339.54 để thu hồi nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K. Buộc anh B và bà Kim A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 21.880.791 đồng (trong đó tiền gốc là 17.777.778 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.402.740 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.700.274

đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/6/2021 theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày trả hết nợ. Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Về án phí: Anh B và bà Kim A phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, anh B và bà Kim A đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh B và bà Kim A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Đ, anh B và bà Kim A là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện: Theo Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 27/4/2020, Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B - Phòng giao dịch P đã cho anh B và bà Kim A vay tổng số tiền tại hai Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1035219/HĐTD-CC và số A1035267/HĐTD-CC là 40.000.000đ với mục đích mua bán, lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn vay là 180 ngày, gốc và lãi được trả hàng ngày kể từ ngày 30/4/2020 đến ngày 27/10/2020. Để bảo đảm cho khoản vay, ngoài tín chấp thì anh B và bà Kim A đã cầm cố cho Ngân hàng xe gắn máy Honda Vision biển số kiểm soát 94E1-339.54. Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho anh B và bà Kim A bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 29/4/2020. Anh B và bà Kim A đã được Tòa án thông báo về việc Ngân hàng khởi kiện nhưng anh B và bà Kim A không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng. Như vậy, việc anh B và bà Kim A có vay tiền của Ngân hàng TMCP K là thực tế có xảy ra.

[4] Theo hợp đồng thì anh B và bà Kim A có nghĩa vụ phải trả số tiền gốc và tiền lãi hàng ngày kể từ ngày 30/4/2020 đến ngày 27/10/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 30/4/2020 đến ngày 27/10/2020 anh B và bà Kim A đã trả cho hai hợp đồng được số tiền gốc 22.222.222 đồng và tiền lãi 1.753.425 đồng thì ngưng không trả nợ cho đến nay. Do anh B và bà Kim A không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, nay Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu anh B và bà Kim A phải trả nợ gốc còn lại và lãi là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Anh B và bà Kim A vay số tiền gốc 40.000.000đ đã trả được số tiền của hai hợp đồng là 22.222.222 đồng, do đó, buộc anh B và bà Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc còn lại của hai hợp đồng là 17.777.778 đồng. Đối với lãi theo hai hợp đồng tín dụng thì lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi

suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, anh B, bà Kim A và Ngân hàng có thỏa thuận lãi suất khi ký hợp đồng tín dụng, anh B và bà Kim A không trả nợ theo thỏa thuận thì anh B và bà Kim A phải chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh B và bà Kim A phải trả tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 với tiền lãi trong hạn là 1.402.740 đồng, tiền lãi quá hạn 2.700.274 đồng, tổng cộng là 4.103.014 đồng của hai hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, buộc anh B và bà Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền còn nợ của hai hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 15/6/2021 là 21.880.791 đồng (trong đó tiền gốc là 17.777.778 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.402.740 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.700.274 đồng). Đồng thời kể từ ngày 16/6/2021, anh B và bà Kim A phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

[7] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP K yêu cầu có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là xe gắn máy Honda Vision biển số kiểm soát 94E1-339.54 để thu hồi nợ. Ngày 02/3/2021 Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K yêu cầu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là xe gắn máy Honda Vision biển số kiểm soát 94E1-339.54 để thu hồi nợ.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh B và bà Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A. Buộc anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền gốc 17.777.778 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2021 là 4.103.041 đồng, tổng cộng là 21.880.791 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm tám mươi nghìn bảy trăm chín mươi một đồng).

Kể từ ngày 16/6/2021 anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu phát mãi tài sản là xe gắn máy Honda Vision biển số kiểm soát 94E1-339.54 để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Như B và bà Phan Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.094.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP K đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 479.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009824 ngày 23/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly